

DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ BIG C TỪ 18/05 -14/07/2019

STT	SỐ THẺ CHÍNH	TÊN CHỦ THẺ CHÍNH	SỐ TIỀN TRẢ THUỞNG
1	5119xxxx4103	NGO THI VAN ANH	89,542
2	5119xxxx9100	VU THI NGOC TRAN	50,903
3	5119xxxx2105	NGUYEN MINH DUOC	82,761
4	5119xxxx9105	DU HOANG OANH	196,711
5	5171xxxx0108	LE THANH KINH	58,204
6	5171xxxx5102	PHAN THI THUY LINH	60,982
7	5119xxxx6104	DINH THI THANH HA	53,818
8	5171xxxx4103	LAM HONG QUANG	100,000
9	5119xxxx1103	TRAN TRUNG THANH	96,993
10	5119xxxx7106	NGUYEN THANH CHUC	76,090
11	5119xxxx1112	HUYNH VAN CHANH TAM	215,878
12	5119xxxx3101	LE THI MINH	59,118
13	5171xxxx5110	TRINH THU HANG	106,957
14	5119xxxx4104	NGUYEN CHI THANH	82,129
15	5119xxxx2107	VU THI HUYEN	75,234
16	5171xxxx6109	TRINH THI DIEP THUY	100,000
17	5119xxxx7129	LE THANH PHONG	60,485
18	5119xxxx1107	NGUYEN THI SAN	100,000
19	5119xxxx6104	HO THI HONG HANH	52,100
20	5119xxxx1109	TRAN THI KIM THOA	90,667
21	5119xxxx8109	PHAM THI BAO ANH	100,000
22	5119xxxx6102	VU DUC CUONG	118,511
23	5119xxxx4104	PHAM VAN XUAN	100,000
24	5119xxxx7121	NGUYEN DUY PHUC	57,320
25	5119xxxx0109	HUYNH THI THANH THAO	74,624
26	5119xxxx4104	NGUYEN THI LAN ANH	56,100
27	5119xxxx8108	TRUONG THI THU THUY	55,975
28	5171xxxx5102	HO MINH PHUOC	100,000
29	5119xxxx0109	DUONG TAT THANG	67,921
30	5171xxxx9103	TRUONG BA QUAN	100,000
31	5119xxxx5102	NGUYEN VAN SON	84,320
32	5119xxxx8100	LUONG THI VAN HA	84,957
33	5119xxxx8103	NGUYEN THANH TUNG	92,219
34	5119xxxx2105	NGUYEN VAN LINH	63,901
35	5119xxxx3108	HO THI LE	79,135
36	5119xxxx0108	HOANG THI THANH HUYEN	51,765
37	5119xxxx1108	NGUYEN DAT ANH	71,636
38	5119xxxx0107	BUI DUC CHIEN	100,000
39	5119xxxx6109	DO VIET QUANG	71,164
40	5171xxxx1100	TRAN HUU TRUONG	56,996
41	5171xxxx6109	TRUONG VAN TOAN	83,356
42	5119xxxx0109	TRAN THI MINH NGUYET	96,140
43	5119xxxx3109	DINH HONG NHUNG	72,053
44	5119xxxx5106	DINH HOANG LONG	171,182
45	5171xxxx2103	LE ANH MINH	54,344
46	5119xxxx9102	TRUONG THI HAI DUYEN	100,000

47	5119xxxx0101	PHAM THI PHUONG THUY	73,480
48	5119xxxx4101	NGUYEN MANH VAN	71,441
49	5119xxxx0102	LE THI HONG PHUOC	61,268
50	5119xxxx7101	THANH XUAN THU	127,583
51	5119xxxx8100	NGUYEN NHU HAI	85,245
52	5119xxxx2104	MAI CHI THUONG	60,684
53	5119xxxx8108	LE THI PHUONG THAO	80,985
54	5171xxxx1101	TRAN THI PHUONG LIEN	51,406
55	5119xxxx6105	NGUYEN THI MY LINH	207,392
56	5119xxxx0102	TRUONG QUANG TUAN	68,418
57	5171xxxx0101	HUA NGOC DOANH	55,410
58	5119xxxx7105	LE TRUNG BINH	88,851
59	5119xxxx8106	MAC DUC PHO	87,523
60	5171xxxx3112	TRAN THI NHAN	58,008
61	5119xxxx1105	HO THI PHI PHUNG	60,302
62	5119xxxx2103	PHAM VAN TU	68,115
63	5171xxxx5107	NGUYEN NGOC HUYEN	55,163
64	5119xxxx1119	BUI THI THUY NGA	74,516
65	5119xxxx3102	MAI QUANG TUYEN	100,000
66	5119xxxx9103	PHUNG THI HUONG	360,398
67	5119xxxx8101	NGUYEN BA SANG	88,555
68	5119xxxx2103	VU THI THANH NHA	81,397
69	5119xxxx4103	PHAN THI THUY NGA	100,000
70	5171xxxx0100	TRAN VAN KIM CANG	56,675
71	5171xxxx7108	LE THI THI YEN	100,000
72	5119xxxx0106	NGUYEN THI MINH HANG	52,395
73	5119xxxx7101	DINH KIM CUONG	54,834
74	5171xxxx4100	TRAN ANH TUNG	53,990
75	5119xxxx3102	HOANG NGOC DUC	61,493
76	5119xxxx0104	MAI THU VAN	100,000
77	5119xxxx9108	TO THI DU	100,000
78	5119xxxx9107	NGO THI LAN PHUONG	64,018
79	5171xxxx3102	PHUNG VAN DUNG	74,995
80	5119xxxx2102	PHAM NGUYEN	96,215
81	5119xxxx7109	PHAN CONG DUC	85,890
82	5171xxxx0107	NGUYEN THI TUONG VY	105,738
83	5119xxxx1109	NGUYEN THI HUE	55,560
84	5119xxxx0107	DAO THI ANH TUYET	99,426
85	5119xxxx7107	PHAM HUU THANH	50,000
86	5119xxxx1114	TRAN VAN THIEM	73,459
87	5171xxxx0106	HA DUC THUAN	52,310
88	5119xxxx7106	TRUONG THI NHU HUYEN	186,970
89	5119xxxx5114	PHAM THI MINH THU	128,173
90	5119xxxx7105	NGUYEN THAO NGUYEN	100,000
91	5119xxxx1106	NGUYEN THI MINH THU	98,795
92	5119xxxx2100	HO THI HOANG OANH	65,170
93	5119xxxx8105	BUI VAN TUNG	100,000
94	5119xxxx2104	NGUYEN THI HA	100,000
95	5119xxxx1108	LINH THI NHUNG	100,000

96	5119xxxx3109	NGUYEN HUY THAI	53,816
97	5119xxxx8100	NGUYEN THANH BINH	52,415
98	5171xxxx5103	VU VAN CHANH	99,907
99	5119xxxx4103	BUI NGOC VAN	53,934
100	5119xxxx0101	BUI VIET DUNG	109,775
101	5119xxxx5109	PHAM THU HANG	71,365
102	5119xxxx4104	CUNG DUY TUNG	74,265
103	5119xxxx2103	DANG THI HONG TRANG	66,840
104	5119xxxx5105	LY NGOC DUNG	50,135
105	5119xxxx2106	TRAN THI THUY HOA	55,293
106	5119xxxx4100	CAO VAN BAY	100,000
107	5119xxxx2108	DOAN THI LAN	68,726
108	5119xxxx8108	LE PHUONG THUY TRANG	67,975
109	5119xxxx5100	HOANG KIM THUONG	100,000
110	5119xxxx4103	DINH THI THANH QUE	96,500
111	5119xxxx7109	NGUYEN THANH TAM	100,000
112	5119xxxx4105	TRAN THI THANH NGA	63,461
113	5119xxxx0102	TRAN NGOC HA	100,000
114	5119xxxx8105	TRAN VAN HAU	76,990
115	5119xxxx0102	BUI THI QUYNH OANH	69,327
116	5174xxxx4101	DO TIEN HUNG	160,360
117	5171xxxx0101	DUONG ANH TUAN	61,320
118	5119xxxx7104	NGUYEN THI THUY	54,033
119	5119xxxx0100	NGUYEN VAN THANG	93,578
120	5171xxxx8104	NGUYEN THI THU NHI	223,898
121	5119xxxx4102	TRAN MINH CUONG	54,057
122	5119xxxx2105	VO QUANG TRUC	100,000
123	5119xxxx7102	DUONG HAI HUNG	59,669
124	5119xxxx0107	CAO THANH NAM	63,115
125	5119xxxx4104	NGUYEN QUANG TRIEU	60,702
126	5119xxxx3104	PHAM NGOC LIEU	100,000
127	5119xxxx2104	NGUYEN VU THANH GIANG	50,876
128	5119xxxx4102	PHAM THANH THO	51,054
129	5171xxxx5105	LE THI NHUNG	50,401
130	5119xxxx2102	HUYNH KIM CHAU	71,575
131	5119xxxx7101	TONG NGO CAM NHUNG	59,311
132	5174xxxx7105	NGUYEN THI DOAN TRANG	200,000
133	5119xxxx3108	NGUYEN THI NGA	71,630
134	5119xxxx5107	NGUYEN THI THU HANG	78,515
135	5171xxxx5103	BAN HA CHAU	94,616
136	5119xxxx0101	NGUYEN KHANH CHI	64,555
137	5119xxxx6104	CHU LAN VINH	56,972
138	5119xxxx6106	TRUONG VAN CHAU	51,102
139	5119xxxx7104	JIMENEZ FLORENDO RIZELLE	100,000
140	5119xxxx1102	THAI THI NGOC HUE	56,983
141	5119xxxx6101	BUI THI XUAN VUI	127,033
142	5171xxxx0100	TRAN VAN CANH	100,000
143	5171xxxx6109	NGUYEN DUY HOANG	74,141
144	5119xxxx8103	NGUYEN NGOC SON HA	135,745

145	5119xxxx7103	VU TIEN DAT	67,824
146	5119xxxx9107	NGUYEN HOANG HA THU	75,250
147	5171xxxx7108	TRAN THI YEN	58,197
148	5171xxxx0106	NGUYEN THI TRA MY	83,991
149	5119xxxx4102	TAKAISHI TSUNEO	68,875
150	5171xxxx2103	NGUYEN THI THU HUONG	50,968
151	5119xxxx3103	PHAM THI NGOC TU	77,820
152	5119xxxx3109	CLAUDE MAGGIORI	52,841
153	5119xxxx3102	PHAN THI VIET SING	62,576
154	5119xxxx0105	NGUYEN THI TRANG	89,895
155	5171xxxx5104	TRAN ANH TUAN	51,589
156	5171xxxx6103	NGUYEN DANG HOA NHAN	100,000
157	5119xxxx9101	LE THANH LUONG	67,309
158	5171xxxx2105	TRAN PHI LONG	166,707
159	5171xxxx3100	PHAM THI THU TRA	50,695
160	5119xxxx4105	TRAN THI HA GIANG	74,528
161	5171xxxx1103	CAO THANH LIEM	200,000
162	5119xxxx4103	LE THI THANH HOA	52,700
163	5171xxxx2108	LE HUU ANH	61,982
164	5119xxxx9108	MAI HUU LAN	80,887
165	5119xxxx4101	NGUYEN THI THUY GIANG	100,000
166	5119xxxx7105	NGUYEN TIEN NGOC	100,000
167	5119xxxx0101	NGUYEN QUYNH ANH	55,835
168	5119xxxx7109	HA HAI NAM	72,950
169	5171xxxx9103	NGUYEN TRONG NGAN	100,000
170	5171xxxx4108	HUYNH THI HONG NGOC	57,736
171	5119xxxx2107	NGUYEN THI KIM ANH	50,000
172	5119xxxx4105	TA MINH NGOC	56,681
173	5119xxxx2116	PHAN THI TUYET THUONG	89,875
174	5119xxxx8102	MAI THI HUE	87,865
175	5119xxxx4100	DANG THUY HA	58,291
176	5119xxxx8103	CHU MANH HUNG	50,589
177	5119xxxx0106	TRAN PHUNG	81,834
178	5171xxxx6105	BUI THI QUYNH NGA	59,277
179	5119xxxx2103	VU QUOC HUY	55,930
180	5119xxxx8107	NGUYEN THAI THANH	88,885
181	5119xxxx6105	PHAM DINH DUNG	55,834
182	5119xxxx6106	NGUYEN THI MAI PHUONG	95,027
183	5119xxxx5103	HO AI PHUONG	50,015
184	5119xxxx5104	PHAM QUANG NGHIA	59,740
185	5119xxxx0106	LE THI KIM PHUONG	66,380
186	5119xxxx6106	NGUYEN THI THU	53,740
187	5119xxxx3108	NGUYEN HUYNH TRIET	77,328
188	5119xxxx9105	NGUYEN DUY QUANG	100,000
189	5119xxxx9103	NGUYEN THI BICH CHI	56,828
190	5119xxxx6101	NGUYEN THI HANG	59,641
191	5119xxxx6103	LE VAN SON	100,000
192	5119xxxx7105	NGUYEN CANH NHAN	66,529
193	5171xxxx3103	NGUYEN THUY ANH	64,742

194	5119xxxx9100	PHAM THANH TRA	50,575
195	5119xxxx3101	TO VAN TRUNG	71,565
196	5119xxxx1116	VU HA TUAN	72,686
197	5171xxxx1100	NGO BA DANG	123,875
198	5171xxxx5102	PHAN THI KIEU OANH	68,805
199	5119xxxx4100	LE VAN HOI	59,357
200	5171xxxx0106	NGUYEN NGOC TRAM	61,280
201	5171xxxx4103	HUA THANH DO	100,000
202	5119xxxx8108	NGUYEN THI ANH THAO	79,637
203	5171xxxx6109	KEBIROV ABLAKHAT	51,616
204	5171xxxx5114	NGUYEN NGOC ANH	54,674
205	5119xxxx1104	NGUYEN THANH TUAN	100,000
206	5119xxxx0100	NGUYEN THI TU UYEN	52,265
207	5119xxxx6102	NGUYEN THI KIEU HANH	200,000
208	5119xxxx7102	MAI THI THONG TRIEU	65,423
209	5119xxxx2102	LE THANH DANG	53,176
210	5171xxxx2100	PHAM THI GIANG	86,736
211	5119xxxx4104	LE TAM	64,277
212	5119xxxx3107	HO DAC BAN	78,887
213	5119xxxx3100	DOAN THI LAM HUONG	265,962
214	5119xxxx8105	NGUYEN HOANG TRANG	65,188
215	5119xxxx1101	DAO TRUNG HIEU	67,216
216	5119xxxx7103	TRAN THI MAI	113,402
217	5119xxxx4102	NGUYEN XUAN THUY	100,000
218	5119xxxx3103	DUONG HAI HIEN	55,251
219	5119xxxx6100	MAI THI HONG	77,333
220	5119xxxx3105	NGUYEN THI KIM LANH	56,864
221	5171xxxx9103	DUONG THI THU THUY	50,170
222	5119xxxx7106	PHAN THI THAO NGUYEN	100,000
223	5119xxxx2113	LE VAN KHANH	90,096
224	5119xxxx7105	PHAM THI THUY	88,625
225	5119xxxx8107	VU KIM TUAN	74,260
226	5119xxxx7106	HO THANH HAI	51,930
227	5119xxxx6108	DUONG KIM CUONG	62,979
228	5171xxxx9100	HOANG THI HONG HANH	65,747
229	5119xxxx0103	TRINH THI NGUYET NGA	57,248
230	5119xxxx2103	DINH XUAN THU	69,511
231	5119xxxx6101	NGUYEN THI HOA	60,101
232	5171xxxx7103	HOANG THI DIEN	59,539
233	5171xxxx7103	NGUYEN HOANG LINH	88,800
234	5119xxxx5100	NGUYEN CAO VAN	69,610
235	5119xxxx0100	HOANG THU THUY	100,000
236	5171xxxx5104	HOANG THI LINH	100,000
237	5119xxxx1102	LE THI MINH DANG	70,271
238	5171xxxx5108	PHAN THI NGOC HOAI	68,841
239	5119xxxx8100	DINH THI THOM	50,329
240	5119xxxx5101	PHAN CONG BINH	85,373
241	5119xxxx0105	DANG THI LE QUYEN	83,143
242	5119xxxx9101	DOAN THI VAN	63,645

243	5119xxxx7100	MAI THI LUU	65,887
244	5119xxxx0108	VU THI DIU	100,000
245	5119xxxx8100	HOANG LE MINH	53,214
246	5119xxxx2107	LE THI VAN ANH	51,371
247	5119xxxx8105	HOANG THI THUY DUNG	62,920
248	5119xxxx1107	PHUNG DUY HA	58,744
249	5171xxxx4102	HO THI MINH CHINH	65,374
250	5119xxxx9101	NGUYEN HUU NAM	58,588
251	5119xxxx5105	HOANG THI HUE	100,000
252	5119xxxx6109	LE DINH CHUNG	100,000
253	5119xxxx4103	LE THI TUONG VI	100,000
254	5119xxxx0107	LY PHUONG ANH	62,801
255	5171xxxx5103	NGUYEN DUC KHOI	52,950
256	5119xxxx1106	DUONG THI QUY	55,288
257	5119xxxx1102	PHAM VAN TUYEN	100,000
258	5119xxxx5110	NGUYEN TAN PHUOC	50,911
259	5119xxxx0102	BUI THI PHUONG	60,335
260	5174xxxx7106	LE TUAN ANH	129,282
261	5119xxxx1119	RUSLAN ZHANDALINOV	92,736
262	5119xxxx6101	NGUYEN THI HUYEN	59,477
263	5171xxxx4102	NGUYEN THI HANG	163,547
264	5119xxxx1101	NGUYEN THI DUNG	71,055
265	5119xxxx5103	NGUYEN DUC BINH	88,225
266	5119xxxx7105	LAM BICH HA	61,466
267	5119xxxx0109	VU THI SAM	88,077
268	5119xxxx0105	NGUYEN THI TINH	100,000
269	5171xxxx6106	NGUYEN TIEN DAT	78,785
270	5171xxxx1108	NGUYEN THI THU NGUYET	81,499
271	5119xxxx0101	NGUYEN THI THU HANG	166,355
272	5119xxxx4107	NGUYEN MINH NHAT KHANH	89,100
273	5171xxxx4105	LE THI NGOC	62,615
274	5119xxxx1104	PHAM THI HUONG	52,353
275	5171xxxx4114	NGUYEN QUYNH MAI MAI	64,159
276	5119xxxx9104	NGUYEN THI XUYEN	100,000
277	5119xxxx5106	SAYEB JONATHAN	52,615
278	5171xxxx4108	QUACH LE QUAN	53,020
279	5174xxxx2107	TA VAN DUC	200,000
280	5119xxxx4103	NGUYEN HONG NHAT	68,070
281	5171xxxx4106	DUONG THI LE THUY	98,136
282	5171xxxx9106	TRINH MAI HUONG	100,000
283	5171xxxx0104	TRAN HONG NHUNG	89,827
284	5119xxxx5101	DUONG VAN HOAN	64,014
285	5171xxxx4108	LY MINH NGOC	232,245
286	5171xxxx8109	PHAM BAC VIET	90,010
287	5119xxxx6105	PHAN THI NGOC ANH	56,317
288	5119xxxx7108	TA THANH HOA	64,212
289	5174xxxx8106	DUONG TAN TAI	200,000
290	5171xxxx0109	NGUYEN BA THIEN	58,081
291	5119xxxx1104	TRAN THE HUNG	100,000

292	5119xxxx1105	NGUYEN DUC KIEN	66,975
293	5119xxxx7107	SANTOS JOHN JOSEPH SOLLES	100,000
294	5119xxxx0102	NGUYEN KHAI HOAN	51,895
295	5119xxxx7105	LE THI TO ANH	54,395
296	5119xxxx4105	VU THI XUAN	65,003
297	5119xxxx7106	VUONG THI VAN	51,068
298	5119xxxx3106	PHAM NGOC ANH	81,337
299	5171xxxx8108	NGUYEN THI THU HANG	91,131
300	5171xxxx8105	HA NGUYEN NGOC NGAN	100,000
301	5119xxxx0105	NGO MINH HOANG	93,775
302	5119xxxx1100	ALEKSEI BOGDANOV	100,000
303	5119xxxx5115	NGUYEN TUAN LINH	75,551
304	5171xxxx0102	MAI BICH THUY TRAM	100,000
305	5171xxxx9102	PHAN BUU AN	77,885
306	5119xxxx9118	NGUYEN THI THAI	157,416
307	5171xxxx6102	NGUYEN THI ANH TUYET	95,667
308	5119xxxx0100	BUI THI THU HA	84,860
309	5171xxxx4101	NGUYEN HOANG OANH	200,000
310	5119xxxx7102	HUYNH THI DIEM PHUONG	78,645
311	5119xxxx1101	BUI THI XOAN	70,710
312	5119xxxx0112	MEGAN HURTER	100,000
313	5119xxxx8107	HA TRUNG KIEN	79,210
314	5171xxxx9104	DUONG THI KIM NGAN	57,925
315	5171xxxx5101	LE NGOC TAM	55,030
316	5119xxxx8106	NGO THI HUNG	63,574
317	5119xxxx7106	NGUYEN THI THUY HA	100,000
318	5171xxxx6103	LY KHAI MINH	79,696
319	5171xxxx1104	LE THI THUY NHUNG	56,815
320	5119xxxx9109	PARENT JOEL PETER	55,950
321	5119xxxx6103	HYUN YUMIN	60,891
322	5119xxxx7104	LE THI LAN	59,324
323	5119xxxx4103	LE QUANG VINH	62,715
324	5119xxxx2102	BUI QUOC VIET	97,597
325	5119xxxx8104	BUI XUAN TRUONG	82,000
326	5119xxxx3109	PHAM THI THU TRANG	51,311
327	5119xxxx3107	NGUYEN XUAN QUY	54,485
328	5119xxxx6111	NGUYEN THI THUY	100,000
329	5171xxxx6104	HOANG HAI HA	69,435
330	5171xxxx5109	NGUYEN HUY CUONG	100,000
331	5119xxxx7103	PARK DONGJUN	72,882
332	5119xxxx3108	PHAN VAN DUC	95,650
333	5119xxxx4108	NGUYEN NHU QUYNH	152,239
334	5119xxxx1100	NGUYEN THI TINH	55,019
335	5171xxxx9102	NGUYEN HUYEN TRANG	76,079
336	5119xxxx9100	BISSENGALIYEV NURBOLAT	54,350
337	5119xxxx9119	NGUYEN NGOC HUYNH NGAN	50,194
338	5119xxxx2102	LE THU HA	50,522
339	5119xxxx2106	NGUYEN KY ANH	50,910
340	5119xxxx0107	KU YU HUA	56,029

341	5119xxxx4107	NGUYEN THI BICH TRAM	50,000
342	5171xxxx7101	PHAM THI MY	124,348
343	5119xxxx3107	NGUYEN VAN TRIEU	50,451
344	5119xxxx4108	HOANG VAN KHANH	100,000
345	5171xxxx7103	LIM JAESUNG	62,053
346	5119xxxx6100	TRAN QUOC CUONG	58,349
347	5119xxxx5109	VU HOANG ANH	66,570
348	5171xxxx4107	NGUYEN KIEM NAM	89,562
349	5119xxxx5101	NGUYEN THI YEN	62,195
350	5119xxxx6101	LUU THI NGOC MINH	55,205
351	5119xxxx5102	LEE DONG HYUN	54,290
352	5119xxxx8109	PHAM THI DUNG	51,016
353	5171xxxx1109	LE THI HANG	58,702
354	5119xxxx6104	LE THI THU DONG	56,991
355	5119xxxx7109	LE THI DAO	193,715
356	5171xxxx3100	VU THI LAN	500,000
357	5119xxxx1102	DINH THI HA GIANG	60,000
358	5119xxxx9106	TRAN TRONG HUU	55,691
359	5119xxxx5106	PHAM THI HONG GIANG	73,064
360	5119xxxx5101	TRAN NGOC HIEN	100,000
361	5171xxxx4108	TRAN BAO TRAN	58,796
362	5119xxxx3109	DANG THI LUONG	55,436
363	5171xxxx7102	TRAN THI LAN	70,403
364	5119xxxx8108	LE NU KIEU MY	98,048
365	5119xxxx7101	DAO DUC MINH	50,100
366	4271xxxx1107	NGUYEN VAN MINH	121,910